

| Tên Chủ đề (nội dung, chương...) | Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | Vận dụng ở mức cao hơn | | Tổng |
|--|---|----|---|----------------------------------|---|----------------------------|---|--------------------------------|--|
| | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | |
| 1. Nguyên tử. Nguyên tố hoá học | <ul style="list-style-type: none"> - Biết cấu tạo nguyên tử gồm các loại hạt p, e, n và nguyên tử trung hòa về điện. - Biết nguyên tử khối của nguyên tố hóa học. - Biết KHHH của 1 số nguyên tố hóa học | | <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu mỗi kí hiệu hóa học còn chỉ 1 nguyên tử của nguyên tử của nguyên tố đó. | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Tính nguyên tử khối → tên nguyên tố hóa học | | |
| <i>Số câu</i> <i>Số điểm Tỷ lệ %</i> | <i>SC: 4</i> <i>SD: 2</i> | | | <i>SC 1/4</i> <i>SD 0,5</i> | | | | <i>SC 1/2</i> <i>SD 0,5</i> | <i>Số câu</i> <i>4+1/4+1/2</i> <i>3 điểm= 30.%</i> |
| 2. Đơn chất- Hợp chất- Phân tử | | | | | | | <ul style="list-style-type: none"> Tính phân tử khối của một phân tử | | |
| <i>Số câu</i> <i>Số điểm Tỷ lệ %</i> | | | | | | | | <i>SC 1/2</i> <i>SD 0,5</i> | <i>Số câu 1/2</i> <i>0,5điểm= 5%</i> |
| 3-CTHH – Hoá trị | <ul style="list-style-type: none"> - Biết CTHH của đơn chất chỉ có 1 KHHH - Biết CTHH của hợp chất có 2 KHHH trở lên. - Biết hóa trị của 1 số nguyên tố và 1 số nhóm nguyên tử. | | <ul style="list-style-type: none"> - Viết được CTHH của chất cụ thể khi biết tên các nguyên tố và số nguyên tử của mỗi nguyên tố tạo nên 1 phân tử. - Nêu được ý nghĩa của CTHH | | <ul style="list-style-type: none"> - Tính hóa trị của một nguyên tố. - Lập CTHH dựa vào hóa trị | | | | |
| <i>Số câu</i> <i>Số điểm Tỷ lệ %</i> | <i>SC 2</i> <i>SD 2</i> | | <i>SC 2</i> <i>SD 1</i> | <i>SC 1+3/4</i> <i>SD 2,5</i> | | <i>SC 1</i> <i>SD 1</i> | | | <i>Số câu 6+3/4</i> <i>6,5điểm=65%</i> |

| | | | | | | | | | |
|--------------|-----------|-----------|-----------|--|--|------------|--|--|--|
| | | | | | | | | | |
| Tổng số câu | Số câu 6 | Số câu 4 | Số câu 2 | | | Số câu 12 | | | |
| Tổng số điểm | Số điểm 4 | Số điểm 3 | Số điểm 2 | | | Số điểm 10 | | | |
| Tỉ lệ % | 40% | 40% | 20% | | | 100% | | | |

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3,0đ)

Bài 1. Khẳng định nào sau đây đúng?

Trong một phản ứng hóa học, các chất phản ứng và sản phẩm phải chứa:

- A. Số nguyên tử trong mỗi chất.
- B. Số nguyên tử của mỗi nguyên tố.
- C. Số nguyên tố tạo ra chất.
- D. Số phân tử của mỗi chất.

Bài 2. Đốt photpho trong oxi thu được chất điphotphopentaoxit. Phương trình chữ nào sau đây biểu diễn đúng phản ứng hóa học trên.

- A. Photpho + điphotphopentaoxit khí oxi
- B. Photpho khí oxi + điphotphopentaoxit
- C. Photpho + khí oxi điphotphopentaoxit
- D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 3. Kí hiệu hóa học của kim loại đồng là:

- A. cU;
- B. cu;
- C. CU;
- D. Cu.

Câu 4. Cho CTHH của một số chất: Cl_2 , ZnCl_2 , Al_2O_3 , Ca , NaNO_3 , KOH

- A. 3 đơn chất và 3 hợp chất
- B. 5 đơn chất và 1 hợp chất
- C. 2 đơn chất và 4 hợp chất
- D. 1 đơn chất và 5 hợp chất

Câu 5. Nguyên tử có cấu tạo bởi các loại hạt :

- A. Electron
- B. Proton
- C. Notron
- D. A, B và C

Câu 6. Phân tử khối của hợp chất CuO là:

- A. 50 đvC
- B. 60 đvC
- C. 70 đvC
- D. 80 đvC

PHẦN II. TỰ LUẬN (7,0 Đ)

Bài 1. (1,0) Canxi cacbonat là phần chính của đá vôi.

a. Khi thả cục đá nhỏ này vào axit clohidric thì thấy sủi bọt (khí cacbon đioxit) và tạo thành dung dịch muối canxi clorua.

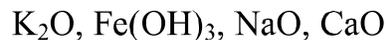
b. Nếu nung cục đá vôi trên ở nhiệt độ thích hợp thì cũng thấy tạo ra chất khí (cacbon đioxit) và chất bột màu trắng (canxi oxit)

Hãy viết phương trình chữ của các phản ứng trên.

Bài 2:(1,0)

Trong các hợp chất của sắt: FeO ; Fe₂O₃ ; Fe(OH)₃ ; FeCl₂, thì sắt có hóa trị là bao nhiêu ?

Câu 3: (1,0) Công thức nào sau đây viết sai:



Hãy sửa lại công thức hóa học viết sai

(Ba = 137, S = 32, O = 16, C = 12, Ca = 40, N = 14)

Bài 4.(2,0)

a. Một nguyên tử A nặng hơn nguyên tử oxi 2 lần. Viết kí hiệu và gọi tên nguyên tố X.

b. Một nguyên tử B nhẹ hơn nguyên tử brom 2 lần. Viết kí hiệu và gọi tên nguyên tố B.

c. Một nguyên tử X nặng hơn nguyên tử oxi 2,5 lần. Xác định tên và KHHH của X.

d. Một nguyên tử Y nhẹ và có khối lượng chỉ bằng 0,3 lần khối lượng nguyên tử canxi. Xác định tên và KHHH của Y.

Bài 5.(2,0) Hợp chất X có phân tử khối bằng 62 đvC. Trong phân tử của hợp chất nguyên tố oxi chiếm 25,8% theo khối lượng, còn lại là nguyên tố Na. Lập công thức hóa học của X?

ĐÁP ÁN

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN(3,0)

| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|--------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| Đáp án | B | C | D | C | D | D |
| Điểm | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 |

PHẦN II. TỰ LUẬN(7,0)

| CÂU | ĐÁP ÁN | ĐIỂM |
|-----|---|------|
| 1 | a. canxi cacbonat + axit clohidric → muối canxi clorua + khí cacbon đioxit + nước b. Canxi cacbonat → canxi oxit + khí cacbon đioxit | |
| 2 | Fe có hóa trị II trong FeO và FeCl ₂ | |

| | | |
|---|---|--|
| | Fe có hóa trị III trong Fe_2O_3 và $\text{Fe}(\text{OH})_3$. | |
| 3 | Công thức hóa học viết sai là : NaO viết lại là Na_2O | |
| 4 | <p>a. A là lưu huỳnh, S.</p> <p>b. B là canxi, Ca.</p> <p>c. X là canxi, Ca.</p> <p>d. Y là cacbon, C</p> | |
| 5 | <p>Gọi công thức của X là Na_xO_y</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khối lượng mỗi nguyên tố trong hợp chất là - Trong một mol phân tử hợp chất X có - Ta có <p>Suy ra công thức của X là Na_2O</p> | |